

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 07-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thiện,

Bà Nguyễn Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Hải Phòng.

- Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng (đường Trần Hoàn, phường Hải An, thành phố Hải Phòng) và tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05 /2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025 và thông báo sửa đổi, bổ sung Quyết định xét xử số 27/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh S, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1995, tại Hà Nội; nơi thường trú: phường K, quận B (nay là phường K), thành phố Hà Nội; chỗ ở: phường O, quận B (nay là phường Đ), thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Phước B (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Đinh Ngọc Q và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 05/01/2025 đến ngày 09/01/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Hoàng Xuân P, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1991, tại Hà Nội; nơi thường trú: phường P, quận T (nay là phường H), thành phố Hà Nội; phường G, quận H (nay là phường H), thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y; có vợ là Bùi Thị Phương U và có 02

con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/01/2025 đến ngày 09/01/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Nguyễn Duy K, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1990, tại Hà Nội; nơi thường trú: phường P, quận H (nay là phường C), thành phố Hà Nội; Nơi ở: B, phường C, quận H (nay là phường H), thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị B có vợ là Lê Ngọc B và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/02/2012 bị Công an phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng (nay là phường Cửa Nam), thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ từ ngày 04/01/2025 đến ngày 09/01/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

4. Lê Ngọc B, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1994, tại Hà Nội; nơi thường trú: phường P, quận H (nay là phường C), thành phố Hà Nội; Nơi ở: B, phường C, quận H (nay là phường H), thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết L có chồng là Nguyễn Duy K và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 04/01/2025 đến ngày 09/01/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

5. Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1998, tại Hưng Yên; nơi thường trú: Thôn Y, xã V, huyện K (nay là xã K), tỉnh Hưng Yên; Nơi ở: T, huyện T (nay là xã Đ), thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh M; có vợ là Lê Hoài T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 09/01/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

6. Đinh Việt Đ1, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1998, tại Hải Phòng; nơi thường trú: thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên); Nơi ở: thị trấn C, huyện C (nay là thôn 16 C, đặc khu C), thành phố Hải Phòng nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Song A (đã chết) và bà Đinh Thị P; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26/12/2024 đến ngày 04/01/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

7. Phạm Văn P, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2000, tại Hải Phòng; nơi cư trú: thị trấn C, huyện C (nay là thôn C, đặc khu C), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Quang Đ1 (đã chết) và bà Đoàn Thị V; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/8/2023 bị Công an huyện Cát Hải (nay là đặc khu Cát Hải) thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; bị tạm giữ từ ngày 25/12/2024 đến ngày 03/01/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

8. Trần Đình C, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1993, tại Hải Phòng; nơi cư trú: thị trấn C, huyện C (nay là thôn C, đặc khu C), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch:

Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Đình C và bà Vũ Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/12/2024 đến ngày 03/01/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Vũ Thành Đ2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 25/12/2024, do quen biết nên Vũ Thành Đ2 liên hệ với Phạm Văn P hỏi mua 300.000 đồng ma túy cần sa, P đồng ý. Đ2 đi đến nhà P và chuyển 300.000 đồng tiền mua ma túy cần sa qua tài khoản ngân hàng cho P. Khi nhận được tiền, P gọi điện thoại cho Trần Đình C bảo “có thằng em đang cần lấy cỏ, anh lấy cho em 300”, C đồng ý. P chuyển khoản 300.000 đồng tiền mua ma túy cho C. C gọi điện cho Đinh Việt Đ1 hỏi mua 300.000 đồng ma túy cần sa, Đ1 đồng ý. C đến gặp Đ1 và chuyển khoản 300.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của Đ1. Sau khi nhận được tiền, Đ1 lấy một ít ma túy cần sa gói vào tờ giấy ăn đưa cho C. Khi nhận ma túy, C lấy bớt ra một ít và sử dụng hết luôn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, C mang gói giấy ma túy đến nhà đưa cho P. P lấy bớt ra một ít ma túy cần sa ra tự sử dụng và đưa gói giấy ma túy còn lại cho Đ2. Đ2 không biết việc P, C tự ý bớt lại ma túy để sử dụng. Khi cả ba vừa giao dịch mua bán ma túy xong thì bị Công an huyện Cát Hải phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trong túi áo bên phải của Đ2 01 gói giấy bên trong chứa búp thảo mộc khô, Đ2 khai nhận là ma túy cần sa vừa mua của P với giá 300.000 đồng.

Kết luận giám định số 1464/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *Bông thực vật khô gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,43 gam, loại Cần sa (hoa, lá cây Cần sa).*

Ngày 27/12/2024, khám xét khẩn cấp nơi ở của Đinh Việt Đ1 cơ quan Công an đã thu giữ 01 lọ thủy tinh trong suốt hình trụ tròn bên trong có chứa thảo mộc khô, theo Kết luận giám định số 01/KL-KTHS ngày 06/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng xác định: có khối lượng 1,70 gam, ma túy loại Cần sa (hoa, lá cây Cần sa).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đinh Việt Đ1 khai nhận toàn bộ hành vi bán trái phép ma túy cần sa cho Trần Đình C vào ngày 25/12/2024. Nguồn gốc số ma túy cần sa Đ1 mua thông qua tài khoản mạng xã hội Telegram tên “Alex HTX”, bị cáo Đ1 chuyển tiền mua ma túy đến số tài khoản ngân hàng mang tên “NGUYEN HAI DANG”. Sau đó đối tượng bán sẽ gửi ma túy về địa chỉ của bị cáo Đ1 tại thị trấn Cát Bà. Với cách thức giao dịch như trên, bị cáo Đ1 đã mua ma túy của tài khoản trên 02 lần, cụ thể: Ngày 14/12/2024, Đ1 mua 25gam ma túy cần sa với giá 5.800.000 đồng; Ngày 23/12/2024, Đ1 mua 15gam ma túy cần sa với giá 3.800.000 đồng. Số ma túy trên Đ1 đã sử dụng một phần và bán cho C, số ma túy còn lại Đ1 cất giấu tại nhà mục đích để bán cho khách có nhu cầu.

Mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã xác định các bị cáo Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Mạnh S, Nguyễn Duy K, Lê Ngọc B, Hoàng Xuân P có hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Nguyễn Hải Đ khai nhận: bị cáo là chủ tài khoản mạng xã hội mang tên “Alex-HTX” và đã 02 lần bán ma túy cần sa cho Đinh Việt Đ1, cụ thể: Ngày 14/12/2024, bán cho bị cáo Đ1 25gam ma túy cần sa với giá 5.800.000 đồng; Ngày 23/12/2024 bán cho bị cáo Đ1 15gam ma túy cần sa với giá 3.800.000 đồng. Về cách thức giao dịch mua bán ma túy, khi nhận được tiền do Đ1 chuyển khoản, bị cáo Đ sẽ liên lạc mua ma túy cần sa của đối tượng không quen biết qua mạng xã hội Telegram và chuyển tiền mua ma túy đến số tài khoản ngân hàng mang tên “NGUYEN DUY KHANH” và “LE NGOC BICH”. Đối tượng này sau đó sẽ chuyển ma túy về cho Đ1 theo địa chỉ tại thị trấn Cát Bà. Khi Đ1 nhận được ma túy sẽ nhắn tin xác nhận giao dịch thành công với Đ.

Bị cáo Nguyễn Duy K và Lê Ngọc B khai nhận: Do có quen biết với Nguyễn Mạnh S từ trước, nên S thuê Nguyễn Duy K và vợ là Lê Ngọc B sử dụng tài khoản ngân hàng của K, B để nhận, chuyển tiền giao dịch mua bán ma túy và trả công là 1% trên tổng số tiền giao dịch. Vợ chồng K, B đã nhận số tiền 400.000.000 đồng chuyển khoản, số tiền trên hoàn toàn từ việc mua bán ma túy. Tuy nhiên, K, B khai chỉ biết tiền giao dịch chuyển đến là tiền giao dịch ma túy của S và những đối tượng khác nhưng không biết lai lịch, địa chỉ của những đối tượng này. K, B thực hiện các giao dịch chuyển tiền theo yêu cầu của Nguyễn Mạnh S, ngoài ra, cũng sử dụng tài khoản để thực hiện các giao dịch khác phục vụ sinh hoạt cá nhân nên không nhớ rõ cụ thể các giao dịch. Nguyễn Duy K còn khai nhận ngày 24/12/2024 mua của S 50gam ma túy cần sa với giá 6.000.000 đồng, mục đích để bán trái phép. Ngoài ra, khoảng năm 2022, K còn mua của một người không quen biết khoảng hơn 03 kilogram cần sa cất giấu tại nhà để bán trái phép kiếm lời nhưng chưa bán được thì bị phát hiện, thu giữ.

Nguyễn Mạnh S khai nhận: Từ khoảng tháng 7/2024, thông qua mạng xã hội Telegram, Nguyễn Mạnh S nảy sinh mục đích mua ma túy cần sa về bán để kiếm lời. Để thực hiện việc mua bán ma túy S lập nhóm trên mạng xã hội Telegram gồm các cộng tác viên không quen biết trực tiếp thực hiện việc giao dịch ma túy cho khách. S thuê vợ chồng Nguyễn Duy K, Lê Ngọc B và Hoàng Xuân P giúp sức trong việc mua bán ma túy, cụ thể: Nguyễn Duy K, Lê Ngọc B sẽ sử dụng số tài khoản của mình để nhận tiền chuyển khoản từ việc mua bán ma túy và sẽ được hưởng lợi 01% trên tổng số tiền giao dịch. Hoàng Xuân P làm nhiệm vụ nhận ma túy cần sa, chia nhỏ thành các loại ma túy khác nhau, dùng dụng cụ để đóng gói ma túy gửi đi cho khách mua theo đơn hàng do S giao dịch. S trả công cho P đối với đơn hàng từ 05gam đến 10gam là 200.000 đồng/01 đơn, đơn 20gam ma túy là 300.000 đồng/01 đơn, đơn 50gam và 100gam là 500.000 đồng/01 đơn. Đối với các cộng tác viên không quen biết, S sẽ báo giá cho cộng tác viên để trực tiếp thực hiện các giao dịch mua bán ma túy. Khách có nhu cầu mua ma túy cần sa sẽ giao dịch với cộng tác viên

về số lượng ma túy và giá bán. Khách mua sẽ chuyển khoản tiền mua ma túy đến số tài khoản ngân hàng của Nguyễn Duy K hoặc Lê Ngọc B và gửi ảnh giao dịch thành công. Cộng tác viên sẽ gửi hình ảnh giao dịch chuyển tiền cho S. S gửi lại cho K để xác nhận giao dịch. Khoảng 01 đến 02 ngày S và K sẽ chốt số lượng giao dịch và tính tiền hoa hồng 01% trả cho K. Khi nhận được tiền, S sẽ lên đơn hàng và báo lại cho Hoàng Xuân P để chuẩn bị đóng gói ma túy gửi đi cho khách hàng. Từ tháng 7/2024 đến ngày 30/12/2024 Nguyễn Mạnh S đã mua tổng số 15kilogam ma túy cần sa các loại với giá 700.000.000 đồng của một người không quen biết qua mạng xã hội Telegram và chuyển tiền đến số tài khoản ngân hàng mang tên “LUU MINH TRANG” với giá từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng/01kg. S thuê P nhận, cất giữ 15kilogam ma túy cần sa để bán. Với cách thức giao dịch mua bán ma túy như trên, S đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng khác nhau, cụ thể:

Ngày 14/12/2024, S bán cho Nguyễn Hải Đ 15gam ma túy cần sa với giá 3.700.000 đồng; Ngày 23/12/2024, S bán cho Đ 10 gam cần sa với giá 2.100.000 đồng; Ngày 28/12/2024, S bán cho Đ 05gam cần sa với giá 750.000 đồng; Ngày 30/12/2024, S bán cho Đ 10gam cần sa với giá 1.050.000 đồng. Ngày 24/12/2024, S bán cho Nguyễn Duy K 50gam cần sa với giá 6.000.000 đồng.

Nguyễn Mạnh S khai nhận còn nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng khác nhau tuy nhiên, do S chỉ giao dịch qua mạng xã hội Telegram, không có mối quan hệ quen biết với các đối tượng là cộng tác viên và không trực tiếp giao dịch với khách mua nên không biết lai lịch, địa chỉ của những đối tượng mua ma túy. Ngoài ra S còn cất giấu tại nhà 7,6 gam cần sa mục đích để bán. Tổng số tiền ma túy S bán được chuyển khoản qua số tài khoản của vợ chồng K, B là 400.000.000 đồng. S trả công cho P 70.000.000 đồng, vợ chồng K, B 4.000.000 đồng, trừ các chi phí và trả công cho các cộng tác viên, S thu lợi bất chính được 200.000.000 đồng, số tiền hưởng lợi S đã ăn tiêu và đầu tư tiền ảo hết.

Hoàng Xuân P khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên. P khai chỉ quen biết Nguyễn Mạnh S qua mạng xã hội, P đồng ý làm thuê cho S để lấy tiền công. P lấy địa chỉ nhà bố vợ để làm nơi nhận ma túy cần sa do S mua chuyển đến. P đã nhận số lượng ma túy khoảng 15kilogam ma túy cần sa các loại. P có nhiệm vụ chia nhỏ, phân ra các loại ma túy có ký hiệu và giá khác nhau. Khi có đơn hàng do S gửi thì P sẽ dùng máy hút chân không đóng gói, đóng vào hộp giấy và dán địa chỉ người nhận. Sau đó sẽ có đối tượng không quen biết đến nhận toàn bộ ma túy đã đóng gói và mang đi gửi cho khách hàng. P đã đóng gói được khoảng một nửa số ma túy S giao, số ma túy còn lại P cất giữ tại nhà chưa bán được thì bị thu giữ. Tổng số tiền công P nhận được là 70.000.000 đồng.

Về vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 túi nilon bên trong chứa thảo mộc khô của Nguyễn Hải Đ, theo Kết luận giám định số 126/KL-KTHS ngày 28/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng xác định: có khối lượng 1,01gam ma túy loại Cần sa (hoa, lá cây cần sa).

Cơ quan điều tra thu giữ 03 gói nilon bên trong chứa thảo mộc khô được đóng thành 03 bánh dạng hình hộp chữ nhật có cùng kích thước 20x15x05cm; 01 túi nilon

bên trong chứa thảo mộc khô được đóng thành 06 bánh dạng hình hộp chữ nhật cùng kích thước 11x04x06cm; 01 túi nilon kích thước 23x16cm bên trong chứa thảo mộc khô; 01 cân tiểu ly và 01 hộp kim loại bên trong chứa nhiều túi nilon của Nguyễn Duy K và vợ là Lê Ngọc B, theo Kết luận giám định số 21/KL-KTHS ngày 10/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng xác định: Có khối lượng 3678,60 gam ma túy loại Cần sa (hoa, lá cây cần sa).

Cơ quan điều tra thu giữ ma túy cần sa; 01 cân điện tử, nhiều phiếu giao hàng, mã vận đơn, tem chống hàng giả và nhiều túi nilon các loại của Nguyễn Mạnh S, theo Kết luận giám định số 161/KL-KTHS ngày 28/02/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng xác định: Có khối lượng 7,6 gam ma túy loại Cần sa (hoa, lá cây Cần sa).

Cơ quan điều tra thu giữ số lượng lớn ma túy cần sa cùng nhiều dụng cụ đóng gói ma túy gồm 01 máy hút chân không; 02 cân tiểu ly; 01 kéo kim loại; nhiều túi xách và các hộp bằng giấy cùng nhiều vỏ túi nilon của Hoàng Xuân P, theo Kết luận giám định số 32/KL-KTHS ngày 13/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng xác định: có khối lượng: 7222,42 gam ma túy, loại Cần sa (hoa, lá cây cần sa).

Cơ quan điều tra đã thu giữ 08 điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Redmi9A, màu đen của Phạm Văn P; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng của Trần Đình C; 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu xám của Nguyễn Hải Đ; 01 (một) điện thoại di động Redmi màu xanh của Đinh Việt Đ1; 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 promax, màu tím của Lê Ngọc B; 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 plus, màu đen của Nguyễn Duy K; 01 (một) điện thoại di động Samsung S24 Ultra, màu xám của Hoàng Xuân P; 01 (một) điện thoại di động Samsung S23 Ultra, màu trắng của Nguyễn Mạnh S.

Bản Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 16/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng (nay là Viện kiểm sát khu vực 4 – Hải Phòng) truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh S, Hoàng Xuân P, Nguyễn Duy K về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, k khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Lê Ngọc B, Nguyễn Hải Đ về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Phạm Văn P, Trần Đình C, Đinh Việt Đ1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu, xác nhận việc điều tra, truy tố đối với các bị cáo là không oan sai, trong quá trình điều tra, việc khai báo là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng giữ quyền công tố luận tội: Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm b, k khoản 2, khoản 5 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều

17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh S từ 09 năm đến 09 năm 6 tháng tù; bị cáo Hoàng Xuân P và Nguyễn Duy K từ 08 năm 06 tháng tù đến 9 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Ngọc B từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn Hải Đ từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Đinh Việt Đ1 từ 42 đến 48 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn P; Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đình C, đề nghị xử phạt bị cáo P, C từ 36 đến 42 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Nguyễn Mạnh S từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Xuân P, Nguyễn Duy K, Lê Ngọc B, Nguyễn Hải Đ mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Đối với các bị cáo Đinh Việt Đ1, Phạm Văn P, Trần Đình C đều bán ma túy với mục đích để thu lợi là ma túy để sử dụng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 08 điện thoại di động; tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy niêm P số 161MT/PC09; 01 bì giấy niêm P số 126MT/PC09; 01 hộp giấy niêm P số 32MT/PC09; 01 bì giấy niêm P số 01MT/PC09; 01 hộp giấy niêm P số 21MT/PC09; 01 bì giấy niêm P số 1464MT/PC09, bên trong chứa ma túy (và vỏ bao gói hoàn lại sau giám định); 01 máy hút chân không; 03 cân tiểu ly; 01 cân điện tử; 01 kéo kim loại, nhiều phiếu giao hàng, mã vận đơn, tem chống hàng giả và nhiều vỏ túi nilon các loại.

Đề nghị Hội đồng xét xử truy thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo. Cụ thể: Truy thu của bị cáo Nguyễn Mạnh S, số tiền là 200.000.000 đồng; truy thu của bị cáo Hoàng Xuân P số tiền là 70.000.000 đồng; truy thu của bị cáo Nguyễn Duy K và Lê Ngọc B số tiền là 4.000.000 đồng; truy thu của bị cáo Nguyễn Hải Đ số tiền là 9.600.000 đồng; truy thu của bị cáo Đinh Việt Đ1 số tiền 300.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Về tội danh và khung hình phạt:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Qua đó xác định vào ngày 25/12/2024, các bị cáo C, P có hành vi mua trái phép 0,43 gam ma túy là loại Cần sa để bán lại cho Nguyễn Thành Đ2, mục đích hưởng lợi là ma túy để sử dụng. Bị cáo Đ1 có hành vi bán trái phép chất ma túy cần sa cho bị cáo C, đồng thời bị cáo Đ1 còn có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy với mục đích để bán, tổng khối lượng ma túy bị cáo Đ1 đã bán cho C và đang cất giữ nhằm mục đích bán là 2,13 gam ma túy loại Cần sa.

[4] Bị cáo Nguyễn Mạnh S từ tháng 7/2024 đến ngày 30/12/2024 đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và cất giấu ma túy trái phép tại nhà với mục đích để bán, với tổng khối lượng là 15.007,6 gam ma túy loại Cần sa. Trong đó vào các ngày 14, 23, 24, 28, 30 tháng 12 năm 2024 bị cáo S đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Duy K với tổng khối lượng ma túy đã bán là 105 gam ma túy cần sa.

[5] Bị cáo P nhận ma túy do bị cáo S chuyển đến, chia nhỏ, phân loại ma túy bằng các ký hiệu và giá khác nhau. Khi có khách mua hàng, bị cáo P sẽ dùng máy hút chân không đóng gói, dán địa chỉ người nhận, sau đó người vận chuyển ma túy sẽ đến và chuyển đến địa chỉ của khách hàng. Tổng số khối lượng ma túy bị cáo S chuyển cho bị cáo P là 15 kg ma túy loại Cần sa, bị cáo P đã đóng gói chuyển đi gửi được khoảng 1 nửa số ma túy trên, số còn lại bị cáo P cất giữ tại nhà và đã bị thu giữ. Bị cáo P đã thu lợi được 70.000.000 đồng tiền công do bị cáo S trả.

[6] Bị cáo Nguyễn Duy K có vai trò giúp sức cho bị cáo S trong việc mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 7.777,58gam ma túy loại Cần sa tương đương với số tiền là 400.000.000 đồng chuyển khoản. Bị cáo K và B đã cho bị cáo S thuê tài khoản để nhận, chuyển tiền giao dịch mua bán ma túy và được trả công là 1% trên tổng số tiền giao dịch. Đồng thời bị cáo K còn cất giữ trái phép 3.678,60 gam ma túy cần sa nhằm mục đích bán trái phép chất ma túy. Tổng số ma túy bị cáo K mua bán trái phép là 11.456,18 gam ma túy loại Cần sa.

[7] Bị cáo B có hành vi cùng bị cáo K nhiều lần giúp sức cho bị cáo S để thực hiện việc cho thuê tài khoản để nhận tiền giao dịch mua bán trái phép chất ma túy và được trả công là 1% trên tổng số tiền giao dịch. Bị cáo B biết việc chòng mình là bị cáo K

lấy tài khoản của mình để những người mua ma túy chuyển tiền vào và được trả công trên số tiền người mua đã giao dịch. Tổng số ma túy bị cáo B với vai trò giúp sức mua bán trái phép là 7.777,58 gam ma túy loại cần sa tương đương với số tiền là 400.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo B cũng có vai trò đồng phạm giúp sức đối với bị cáo S.

[8] Bị cáo Nguyễn Hải Đ là người thực hành tích cực trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã bán ma túy hai lần vào các ngày 14/12/2024 và 23/12/2024 cho bị cáo Đ1 với tổng khối lượng ma túy là 40 gam ma túy Cần sa và đồng thời bị cáo đã cất giữ trái phép 1,01 gam ma túy Cần sa nhằm mục đích bán. Như vậy, tổng khối lượng ma túy bị cáo Đ mua bán và cất giữ nhằm mục đích bán là 41,01 gam ma túy.

[9] Như vậy, các bị cáo đều thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán để kiếm lời. Do đó, đủ căn cứ khẳng định các bị cáo phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[10] Chất ma túy các bị cáo C và P mua bán có khối lượng là 0,43 gam Cần sa, bị cáo Đ1 mua bán trái phép chất ma túy có khối lượng là 2,13 gam cần sa. Do đó các bị cáo C, P, Đ1 đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[11] Bị cáo S, P 05 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tổng khối lượng bị cáo mua bán trái phép là 15.007,6 gam cần sa; bị cáo K 05 lần mua bán trái phép chất ma túy, tổng khối lượng ma túy là 11.456,18 gam cần sa như vậy các bị cáo S, P, K đã phạm vào hai tình tiết định khung đó là “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” và “*..lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa...có khối lượng từ 10 kilogram đến dưới 25 kilogram*”, được quy định tại điểm b, k khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[12] Bị cáo B 05 lần, bị cáo Đ 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, khối lượng ma túy mua bán của bị cáo B là 7.777,58 gam cần sa, khối lượng ma túy mua bán của bị cáo Đ là 41,01 gam cần sa. Như vậy, bị cáo B và Đ đã phạm vào tình tiết định khung “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[13] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng hành vi phạm tội của các bị cáo.

[14] Hành vi phạm tội của các bị cáo vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, gây mất trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị của địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến khách thể là chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy, chất gây nghiện của Nhà nước.

[15] Tuy nhiên, vụ án này là vụ án đồng phạm, do đó để có thể quyết định hình phạt một cách khách quan, toàn diện, đúng hành vi phạm tội của các bị cáo thì cần phân tích, vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

[16] Đối với bị cáo S, bị cáo là người có vai trò lớn nhất trong vụ án, bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu, thực hành tích cực nhất, bị cáo chủ động việc mua ma túy, thuê người đóng gói, thuê người cung cấp tài khoản để những người mua ma túy chuyển tiền đến. Số tiền thu lợi được của bị cáo do bán ma túy là 200.000.000 đồng.

Do đó khi đánh giá cần xác định bị cáo có vai trò lớn nhất trong vụ án.

[17] Bị cáo P là người giúp sức tích cực nhất cho bị cáo S, bị cáo đã chủ động lấy địa chỉ nhà của bố vợ để dễ dàng giấu diếm hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã nhận ma túy, sau đó chia nhỏ, phân loại theo danh sách khách hàng do bị cáo S chuyển đến, sau đó đóng hộp và gửi đến những người mua ma túy. Bị cáo thu lợi bất chính với số tiền là 70.000.000 đồng. Do đó khi xác định vai trò trong vụ án, bị cáo P đứng thứ hai sau bị cáo S.

[18] Bị cáo K vừa là người thực hành tích cực, vừa là người giúp sức cho bị cáo S trong việc mua bán ma túy. Bị cáo K đã sử dụng tài khoản của mình và vợ để các khách hàng mua ma túy chuyển tiền. Đồng thời bị cáo K là người trực tiếp cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán. Do đó khi xác định vai trò của bị cáo trong vụ án, cần xác định bị cáo K có vai trò sau các bị cáo S, P.

[19] Bị cáo B là người giúp sức cho bị cáo S trong việc thực hiện mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần. Cùng với chồng mình là bị cáo K, bị cáo B đã cho bị cáo S thuê lại tài khoản để các khách hàng chuyển tiền mua ma túy. Do đó khi đánh giá vai trò của bị cáo cần xác định bị cáo B thấp hơn các bị cáo S, P, K. Đồng thời, bị cáo B còn có 01 con nhỏ đang gửi bố mẹ chồng nuôi dưỡng, hội đồng xét xử sẽ xem xét toàn diện khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[20] Bị cáo Đ là người thực hành tích cực, bị cáo là người chủ động mua ma túy để bán lại cho Đ1 02 lần. Do đó đánh giá vai trò của bị cáo thấp nhất trong nhóm các bị cáo S, P, K, B.

[21] Đối với các bị cáo Đ1, C, P đều là người thực hành tích cực trong vụ án, bị cáo Đ1 chủ động mua ma túy và bán lại cho C đồng thời còn cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán kiếm lời. Do đó cần đánh giá bị cáo Đ1 có vai trò cao nhất trong nhóm các bị cáo Đ1, C, P.

[22] Bị cáo C, P là người thực hành, mua bán ma túy bán lại để hưởng lợi là ma túy sử dụng, do đó cần đánh giá các bị cáo C, P có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[23] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[24] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo C đã có thời gian phục vụ trong quân ngũ và được tặng giấy khen nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[25] Về nhân thân: Bị cáo Đ ngày 08/02/2012 bị Công an phường Bách Khoa, thành phố Hà Nội xử phạt trong lĩnh vực An ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo P đã bị Công an huyện Cát Hải (cũ) xử phạt về hành vi cố ý gây thương tích theo Quyết định số 103/QĐ-XPHC ngày 10/8/2023. Mặc dù đến thời điểm xét xử các quyết định trên đã hết thời hiệu, tuy nhiên cần đánh giá các bị cáo là người có nhân thân xấu, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[26] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo S, P, K, B, Đ là người chủ mưu, cầm đầu, thực hiện hành vi mua bán ma túy một cách tinh vi, có tổ chức, có sự phân công, phân nhiệm đối với các thành viên nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Các bị cáo còn lại là Đ1, C, P là người thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích kiếm ma túy để sử dụng, đồng thời các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

[27] Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 08 điện thoại di động; tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy niêm P số 161MT/PC09; 01 bì giấy niêm P số 126MT/PC09; 01 hộp giấy niêm P số 32MT/PC09; 01 bì giấy niêm P số 01MT/PC09; 01 hộp giấy niêm P số 21MT/PC09; 01 bì giấy niêm P số 1464MT/PC09, bên trong chứa ma túy và vỏ bao gói hoàn lại sau giám định; 01 máy hút chân không; 03 cân tiểu ly; 01 cân điện tử; 01 kéo kim loại, nhiều phiếu giao hàng, mã vận đơn, tem chống hàng giả và nhiều vỏ túi nilon các loại.

[28] Về số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần truy thu số tiền các bị cáo thu lợi bất chính nộp ngân sách Nhà nước.

Về vấn đề khác:

[29] Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,43 gam ma túy cần sa của Vũ Thành Đ2 mục đích để sử dụng, do không đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, nên Công an thành phố Hải Phòng ra quyết định xử phạt hành chính.

[30] Đối với Lê Hoài Thu (vợ của Nguyễn Hải Đ), Đinh Ngọc Quỳnh (vợ của Nguyễn Mạnh S); Bùi Anh Tuấn (bố vợ Hoàng Xuân P) không biết về việc các bị can cất giữ và mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hải Phòng không có căn cứ để xử lý.

[31] Đối với tài khoản ngân hàng Techcombank số 5039395555 mang tên “Luu Minh Trang” là tài khoản ngân hàng mà S đã chuyển tiền đến để mua ma túy cần sa, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, xác định Lưu Minh Trang, sinh năm 1994, có Đ ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 38/68 ngõ Lương Sử C, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội. Trang khai nhận không mở, quản lý, sử dụng tài khoản ngân hàng nêu trên, Trang không quen biết và không giao dịch mua bán ma túy với Nguyễn Mạnh S, Nguyễn Duy K, Lê Ngọc B, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau.

[32] Quá trình xác minh, xác định chủ tài khoản là Hoàng Duy Tân, sinh năm 1991, ĐKTT tại: Kim Trung, Hưng Hà, Thái Bình. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai của Tân. Tân có kinh doanh tiền ảo trên ứng dụng Binance nhưng do có nhiều giao dịch mua bán tiền ảo và Tân cùng vợ kinh doanh cửa hàng đồ chơi nên Tân không nhớ việc giao dịch mua bán tiền ảo. Ngoài ra, Tân không quen biết, chưa gặp mặt và chưa từng nói chuyện với S, K, B.

Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau.

[33] Đối với việc S khai nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng qua mạng xã hội Telegram và các cộng tác viên giúp sức cho S trên nhóm Telegram, do không xác minh được lai lịch địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có cứ để xử lý.

[34] Đối với người đã bán ma túy cần sa cho Nguyễn Duy K vào khoảng năm 2022, do không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

[35] Đối với người vận chuyển ma túy cho P, do không xác định được lai lịch địa chỉ nên không có cơ sở để xử lý.

[36] Việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã thực hiện điều hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[37] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[38] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, k khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh S, Hoàng Xuân P, Nguyễn Duy K;

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Ngọc B, Nguyễn Hải Đ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đinh Việt Đ1, Trần Đình C và Phạm Văn P; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đình C.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh S, Hoàng Xuân P, Nguyễn Duy K, Lê Ngọc B, Nguyễn Hải Đ, Đinh Việt Đ1, Trần Đình C, Phạm Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh S 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 05/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân P 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Lê Ngọc B 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính

từ ngày tạm giữ 04/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Đinh Việt Đ1 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2024.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/12/2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Đình C 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/12/2024.

- Xử phạt: Bị cáo S 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; các bị cáo P, K, B, Đ mỗi bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 08 điện thoại di động gồm 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Redmi9A, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng; 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu xám; 01 (một) điện thoại di động Redmi màu xanh; 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 promax, màu tím; 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 plus, màu đen; 01 (một) điện thoại di động Samsung S24 Ultra, màu xám; 01 (một) điện thoại di động Samsung S23 Ultra, màu trắng;

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy niêm P số 161MT/PC09; 01 bì giấy niêm P số 126MT/PC09; 01 hộp giấy niêm P số 32MT/PC09; 01 bì giấy niêm P số 01MT/PC09; 01 hộp giấy niêm P số 21MT/PC09; 01 bì giấy niêm P số 1464MT/PC09, bên trong chứa ma túy và vỏ bao gói hoàn lại sau giám định; 01 máy hút chân không; 03 cân tiểu ly; 01 cân điện tử; 01 kéo kim loại, nhiều phiếu giao hàng, mã vận đơn, tem chống hàng giả và nhiều vỏ túi nilon các loại.

(đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 18/6/2025 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải và Công an thành phố Hải Phòng)

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Truy thu của bị cáo Nguyễn Mạnh S, số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; truy thu của bị cáo Hoàng Xuân P số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng; truy thu của bị cáo Nguyễn Duy K và Lê Ngọc B số tiền là 4.000.000 (bốn triệu) đồng; truy thu của bị cáo Nguyễn Hải Đ số tiền là 9.600.000 (chín triệu sáu trăm nghìn) đồng; truy thu của bị cáo Đinh Việt Đ1 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1 CA TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hai Phòng;
- Thị hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Như Quỳnh

